**ĐĂNG KÍ GIẢNG DẠY TUẦN 15 lớp 3 A *(Từ 16/12 – 20/ 12/2024)***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| ***Thứ ngày*** | ***Buổi*** | ***Tiết*** | ***Môn học*** | ***Tên bài*** | ***Điều chỉnh*** |
| **Hai**  **16/12** | ***Sáng*** | 1 | Chào cờ | Tiếp nối truyền thống quê hương |  |
| 2 | Toán1 | Góc vuông, góc không vuông T1 |  |
| 3 | Tiếng việt 1 | Trong nắng chiều.  LT về câu khiến |  |
| 4 | Tiếng việt 2 |
| ***chiều*** | 1 | T việt Tăng 1 | Luyện tập về câu khiến |  |
| 2 |  | Luyện tập: Nhiệt độ |  |
| 3 | Toán tăng 1 |  |  |
| **Ba**  **17/12** | ***Sáng*** | 1 | Tiếng việt 5 | Người chạy cuối cùng.  Luyện tập về so sánh |  |
| 2 | Tiếng việt 6 |
| 3 | Toán 2 | Góc vuông, góc không vuông T2 |  |
| 4 | T việt tăng 2 | Luyện tập về so sánh |  |
| **Năm**  **19/12** | ***sáng*** | 1 | Tiếng việt 4 | Trao đổi : Em đọc sách báo |  |
| 2 | Toán 3 | Hình tam giác. Hình tứ giác |  |
| 3 | Toán 4 | Chu vi hình tam giác. Chu vi hình tứ giác T1 |  |
| 4 | Toán tăng 2 | LT: Góc vuông, góc không vuông |  |
| **Sáu**  **20/12** | ***sáng*** | 1 |  |  |  |
| 2 |  |  |  |
| 3 | Toán 5 | Chu vi hình tam giác. Chu vi hình tứ giác T2 |  |
| 4 | Toán tăng 3 | Luyện tập: Hình tam giác. Hình tứ giác |  |
| ***Chiều*** | 1 | Tiếng việt 7 | Góc sáng tạo : Bản tin thể thao |  |
| 2 | Tiếng việt tăng 4 | LT : Bản tin thể thao |  |
| 3 | Sinh hoạt | SHCT: Trò chơi Giải ô chữ |  |

***Duyệt, Ngày 13tháng 12năm 2024***

***PHT***

***Nguyễn Thị Hằng***

***Tuần 13***

***Thứ hai ngày 16 tháng 12 năm 2024***

**Tiết 1: Chào cờ**

**SINH HOẠT DƯỚI CỜ: TIẾP NỐI TRUYỀN THỐNG QUÊ HƯƠNG**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù**

***1.1. Năng lực thích ứng với cuộc sống***

- + HS vui vẻ, phấn khởi nghe phát động ngày hội làm việc tốt, giới thiệu về truyền thống quê hương.

+ HS tích cực, nhiệt tình hướng đến làm việc tốt và nghe giới thiệu một số nét đẹp truyền thống quê hương em.

***1.3. Năng lực định hướng nghề nghiệp***

- Học sinh định hướng được những việc cần làm việc tốt cho bản thân, mọi người và cho quê hương.

***1.2. Năng thực thiết kế và tổ chức hoạt động***

- Học sinh lập kế hoạch Làm việc tốt, giới thiệu truyền thống quê hương.

**2. Năng lực chung**

- Năng lực tự học, tự chủ: Tìm hiểu về làm việc tốt, truyền thống quê hương.

**-** Năng lực giao tiếp, hợp tác: Phối hợp với bạn để thực hiện các nhiệm vụ.

**-** Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Tìm tòi về làm việc tốt, nét đẹp truyền thống .

**3. Phẩm chất**

- Bồi dưỡng phẩm chất nhân ái, trung thực, trách nhiệm. .

**II. ĐỐ DÙNG:**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:**

|  |  |
| --- | --- |
| **1. KHỞI ĐỘNG (5 phút)** |  |
| **-** GV cho HS ổn định tổ chức, nhắc nhở, chỉnh đốn hàng ngũ, trang phục để thực hiện nghi lễ chào cờ. | - HS chỉnh đốn hàng ngũ, thực hiện nghi lễ chào cờ. |
| **2. SINH HOẠT DƯỚI CỜ (15 phút)**  ***2.1. Thực hiện nghi lễ chào cờ***  - GV nhắc nhở HS chỉnh đốn hàng ngũ, thực hiện nghi lễ chào cờ.  ***2.2. Tổng kết công tác tuần, triển khai công tác tuần 15***  - GV trực ban nhận xét, đánh giá kết quả hoạt động của HS trong tuần 14.  - GV TPT triển khai hoạt động tuần 15.  **3. TRẢI NGHIỆM**  \* GV triển khai các hoạt động tiếp nối truyền thống quê hương: |  |
| - Giới thiệu về truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam nói chung và của địa phương nói riêng. |  |
| - Em hãy kể những truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam mà em biết?  - GV nhận xét, bổ sung. | + Truyền thống yêu nước  + Truyền thống bất khuất chống giặc ngoại xâm  + Truyền thống đoàn kết  + Truyền thông nhân nghĩa, tương thân tương ái.  + Truyền thống cần cù lao động  + Truyền thống hiếu học  + Truyền thống tôn sư trọng đạo  + Truyền thống hiếu thảo…  - Hs nhận xét, bổ sung |
| - Theo em, mỗi người dân Việt Nam nói chung và học sinh chúng ta nói riêng cần có thái độ, việc làm như thế nào đối với các truyền thống tốt đẹp của dân tộc? Vì sao?  - GV nhận xét, tuyên dương. | - Mỗi người dân Việt Nam nói chung và học sinh chúng ta nói riêng cần phải giữ gìn và phát huy những truyền thống tốt đẹp của dân tộc. Bởi vì, đó là những giá trị tinh thần (những tư tưởng, tính cách, lối sống, cách ứng xử tốt đẹp…) hình thành trong quá trình lịch sử lâu dài của dân tộc, được truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác. Đó cũng là tiền đề để phát triển của đất nước ta. |
| - Những việc làm mà em và các bạn đã và sẽ làm để góp phần giữ gìn truyền thống tốt đep của dân tộc, của địa phương đó là gì?  - GV nhận xét, tuyên dương. | - Cố gắng chăm ngoan học giỏi để trở thành công dân có ích cho xã hội  - Cùng đoàn kết và giúp đỡ nhau trong học tập  - Thăm và tưởng niệm các anh hùng đã hi sinh vì độc lập dân tộc  - Tặng quà và thăm hỏi các thương bệnh binh ở địa phương….  - Mua tăm ủng hộ người mù, khuyên góp sách vở quần áo cũ cho các bạn nghèo, các bạn miền trung bị bão lụt… |
| - Hướng dẫn HS tham gia hoạt động tiếp nối truyền thống quê hương bằng một số việc làm cụ thể như: giúp đỡ người gặp hoàn cảnh khó khăn; lịch sự lễ phép trong giao tiếp; tham gia các hoạt động tại nơi mình sinh sống do địa phương hoặc nhà trường phát động; mua tăm ủng hộ người mù, khuyên góp sách vở quần áo cũ cho các bạn nghèo, các bạn miền trung bị bão lụt… | - Hs lắng nghe |
| - Qua bài học hôm nay, em đã biết thêm điều gì? | - HS chia sẻ thông tin học được trong bài học hôm nay. |
| - GV chốt nội dung bài học. | - HS lắng nghe |
| - GV nhận xét giờ học + Tuyên dương HS | - HS lắng nghe |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**

………………………………….……………………………………………………………………………………………………………………………………………………….

**Tiết 2 : Toán 1**

**Bài 48: GÓC VUÔNG - GÓC KHÔNG VUÔNG (Tiết 1) – Trang 101-102**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

- Có được biểu tượng về góc vuông, góc không vuông.

- Nhận biết được góc vuông, góc không vuông. Đọc tên góc (đọc tên các thành tố của góc như: đỉnh, cạnh).

- Phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động học tập, tìm hiểu nội dung bài học. Biết lắng nghe và trả lời nội dung trong bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia tích cực trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thực hiện tốt nhiệm vụ trong hoạt động nhóm.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

*HSKT: nhận biết góc*

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

**2. Học sinh**

- Thước kẻ, ê ke.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**Dạy theo SGV trang 125 – 127**

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**

.....................................................................................................................................

.....................................................................................................................................

**Tiết 3 + 4 : Tiếng việt 1,2**

**Bài đọc 3 : TRONG NẮNG CHIỀU. LUYỆN TẬP VỀ CÂU KHIẾN (T1+2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù.**

- Đọc thành tiếng trôi chảy bài thơ. Phát âm đúng các từ ngữ có âm, vần, thanhmà HS địa phương dễ viết sai: ruộng làng, ngồi lên, bắt lỗi, gió lốc, Pê-lê,

no cỏ, giữa sân.

- Ngắt nghỉ hơi đúng ngắt nghỉ hơi đúng giữa các dòng thơ, khổ thơ.

- Hiểu nghĩa các từ ngữ trong bàithơ : ( gôn, trọng tài, phản công , pê – lê, thủ môn )

- Hiểu nội dung bài thơ: Miêu tả cảnh các bạnnhỏ nông thôn chơi thể thao trên đồng ruộng. Cảm nhận được niềm vui của các bạnnhỏ và vẻ đẹp của nông thôn thanh bình.

- Ôn luyện về câu khiến: Tìm được câu khiến; đặt được câu khiến.

- Phát triển năng lực văn học

+ Hiểu và biết bày tỏ sự yêu thích với một số từ ngữ hay, hình ảnh đẹp.

+ Biết chia sẻ với cảm giác vui thích của bạn nhỏ khi được chơi bóng giữa đồng

quê thanh bình.

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, đọc bài và trả lời các câu hỏi. Nêu được nội dung bài.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: tham gia đọc trong nhóm.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất yêu nước: Biết yêu cảnh đẹp, yêu quê hương qua bài thơ.

- Phẩm chất nhân ái: Biết yêu quý bạn bè qua bài thơ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ đọc bài, trả lời câu hỏi.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, học tập nghiêm túc.

*HSKT: - Viết – đọc chữ cái. Nhắc lại được 1 câu khiến*

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**Dạy theo SGV trang 199 – 201**

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**

.....................................................................................................................................

**Tiết 1: Tiếng việt tăng1**

**LUYỆN TẬP VỀ CÂU KHIẾN**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù.**

- Ôn luyện về câu khiến: Tìm được câu khiến; đặt được câu khiến.

- Hiểu và biết bày tỏ sự yêu thích với một số từ ngữ hay, hình ảnh đẹp.

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: làm được các bài tập.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia hoạt động tự tin, hiệu quả.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: tham gia học trong nhóm.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ học bài, trả lời câu hỏi.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, học tập nghiêm túc.

HSKT: Nhắc lại được 1 câu khiến

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên:** Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

**2. Học sinh:** SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

**1.Khởi động:**

|  |  |
| --- | --- |
| - Em hãy đặt một câu khiến để mượn bạn một đồ dùng học tập?  - Câu khiến có tác dụng gì?  - Cuối câu khiến dùng dấu gì? | - HS nối tiếp đặt câu  VD: Bạn cho tớ mượn cái kéo đi!  - Lớp nhận xét  - HS nêu |
| \* GV chốt: *Câu khiến dùng để nêu yêu cầu, đề nghị, mong muốn,… của người nói, người viết với người khác. Khi viết, cuối câu khiến có dấu chấm than hoặc dấu chấm.* | - HS lắng nghe |

**2. Luyện tập**

|  |  |
| --- | --- |
| **Bài 1:**Tìm và gạch chân dưới câu khiến trong những câu dưới đây:  a. Một anh chiến sĩ đến nâng con cá lên hai bàn tay nói nựng: “Có đau không, chú mình? Lần sau, khi nhảy múa phải chú ý nhé! Đừng có nhảy lên boong tàu!”  b. Con rùa vàng không sợ người, nhô thêm nữa, tiến sát về phía thuyền vua. Nó đứng nổi lên mặt nước và nói:  - Nhà vua hoàn gươm lại cho Long Vương! | |
| - Yêu cầu HS đọc bài.  - Yêu cầu HS làm việc nhóm 4 tìm câu khiến.  - Câu khiến trong đoạn văn dùng để làm gì? | - HS đọc yêu cầu bài.  - HS làm việc nhóm 4  - Đại diện HS trình bày  Đáp án  a. Lần sau, khi nhảy múa phải chú ý nhé! Đừng có nhảy lên boong tàu!  b. Nhà vua hoàn gươm lại cho Long Vương!  - HS nêu |
| \*GV chốt: *Câu khiến dùng để nêu yêu cầu, đề nghị, mong muốn,… của người nói, người viết với người khác* | - HS nghe và ghi nhớ |
| **Bài 2:**Khoanh vào chữ cái trước câu khiến trong các câu dưới đây:  a. Cô giáo đang giảng bài.  b. Bạn Tùng phải chăm chỉ học hành hơn!  c. Bà có đi chợ không?  d. A, bầu trời đẹp quá! | |
| - Yêu cầu HS đọc bài.  - Yêu cầu HS làm việc nhóm 2 tìm câu khiến. | - HS đọc yêu cầu bài.  - HS làm việc nhóm 2  - HS nêu miệng  Đáp án: khoanh vào b  - HS khác nhận xét |
| \* GV chốt: *Câu a là câu kể một sự việc, câu b là câu khiến, câu c là câu hỏi, câu d là câu cảm.* | **-** HS nghe và ghi nhớ |
| **Bài 3:**Chuyển các câu sau thành câu khiến:  a. Nam đi học.  b. Giang phấn đấu học giỏi.  c. Ngân chăm chỉ học bài. | |
| - Yêu cầu HS đọc bài.  - Yêu cầu HS làm việc nhóm 4 chuyển câu kể thành câu khiến.  - Muốn chuyển câu kể thành câu khiến ta làm thế nào? | - HS đọc yêu cầu bài.  - HS làm việc nhóm 4  - Đại diện lên bảng chữa bài  Đáp án:  a. Nam đi học *đi*!  b. Giang *phải* phấn đấu học giỏi!  c. Ngân *hãy* chăm chỉ học bài!  - HS khác nhận xét  - HS nêu |
| \*GV chốt: *Muốn chuyển câu kể thành câu khiến ta có thể thêm từ hãy, đừng, chớ, nên, phải, …vào trước từ chỉ hoạt động hoặc thêm từ nên, đi, thôi, nào,… vào cuối câu.* | **-** HS nghe và ghi nhớ |

**3. Vận dụng**

|  |  |
| --- | --- |
| Bài 4:*Hãy đặt 3 câu khiến tương ứng với 3 tình huống sau:*  a. Mượn bạn một cuốn truyện tranh.  b. Nhờ chị lấy hộ cốc nước.  c. Em muốn yêu cầu các bạn trong tổ em hãy làm bài tập về nhà đầy đủ. | |
| - Yêu cầu HS đọc bài.  - Yêu cầu HS làm việc cá nhân đặt câu khiến theo yêu cầu.  - Khi đặt câu khiến đầu câu viết thế nào, cuối câu dùng dấu gì? | - HS đọc yêu cầu bài.  - HS làm việc cá nhân  - Một số HS lên bảng đặt câu  VD:  a. Bạn hãy cho mình mượn quyển truyện tranh!  b. Xin chị lấy hộ em cốc nước!  c. Mong các bạn làm bài tập về nhà cho đầy đủ.  - HS nêu  - HS khác nhận xét |
| \*GV chốt: *Khi đặt câu khiến đầu câu viết hoa, cuối câu dùng dấu chấm hoặc dấu chấm than***.** | - HS nghe và ghi nhớ |
| - Dặn học HS ôn lại bài  - Nhận xét tiết học, chuẩn bị bài sau. | - Lắng nghe, rút kinh nghiệm. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**

.....................................................................................................................................

.....................................................................................................................................

.....................................................................................................................................

**Tiết 3: Toán tăng 1**

**Bài 47: NHIỆT ĐỘ – Trang 99, 100**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

- Thực hành nhận biết được các đơn vị đo nhiệt độ: độ C, kí hiệu là ºC.

- Đọc, ghi được nhiệt độ trong các tình huống cụ thể. Nhận biết công cụ đo nhiệt độ là nhiệt kế và đọc được số chỉ nhiệt độ trên nhiệt kế.

- Cảm nhận được sự thay đổi nhiệt độ trong các môi trường khác nhau và vận dụng giải quyết các vấn đề thực tế trong cuộc sống

- Phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động học tập, tìm hiểu nội dung bài học. Biết lắng nghe và trả lời nội dung trong bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia tích cực trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thực hiện tốt nhiệm vụ trong hoạt động nhóm.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

*HSKT: biết nhiệt độ cơ thể BT 37 độ xê*

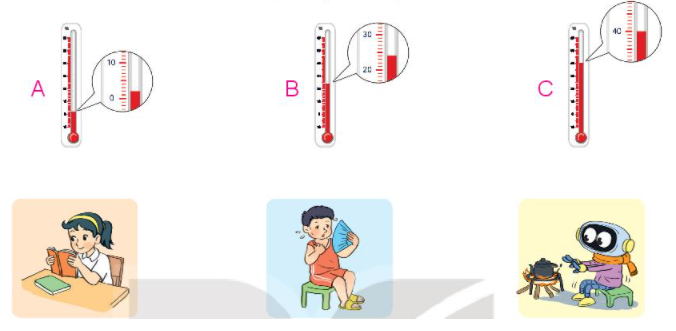
**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

Các bài tập

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**Làm đề luyện tập**

**Câu 1:**Nhiệt kế nào chỉ nhiệt độ không khí phù hợp với mỗi bức tranh?



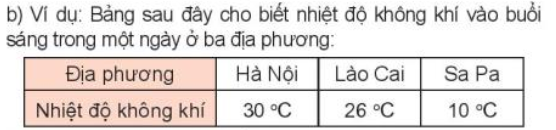
**Câu 2:** Nhiệt kế dưới đây chỉ bao nhiêu độ?

 A. 30°C B. 25°C C. 35°C D. 40°C

**Câu 3:** Nhiệt độ của nước trong cốc  A là 10°C, nhiệt độ của nước trong cốc B là 30°C . Hỏi nước trong cốc nào lạnh hơn?

A. Cốc A B. Cốc B

**Câu 4:** Bảng sau đây cho biết nhiệt độ không khí vào buổi sáng trong một ngày ở ba địa phương:



Hỏi nơi nào có nhiệt độ không khí cao nhất.

A. Sa Pa B. Lào Cai C. Hà Nội

**Câu 5:**18°C được đọc là:

A. Mười tám độ B. Mười tám độ xê C. Tám độ D. Tám độ xê.

**Câu 6:** Dự báo nhiệt độ không khí vào các buổi trong ngày ở một địa phương được ghi theo bảng sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Buổi | Sáng | Trưa | Đêm |
| Nhiệt độ | 20°C | 32°C | 18°C |

Nhiệt độ vào buổi trưa là:

A. 20°C B. 32°C C. 18°C

**Câu 7:** Nhiệt độ cơ thể của người bình thường là bao nhiêu độ xê?

A. 20°C B. 32°C C. 37°C D. 40°C

**Câu 8:**33°C+25°C=….

A. 55°C B. 56°C C. 57°C D. 58°C

**Câu 9:** Nhiệt độ không khí đo được trong ngày là 36°C. Hỏi hôm đó thời tiết nóng hay lạnh?

A. Lạnh B. Nóng

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**

.....................................................................................................................................

.....................................................................................................................................

Thứ ba ngày 17 tháng 12 năm 2024

**Tiết 1 + 2 : Tiếng Việt 5,6**

**BÀI ĐỌC 4 :NGƯỜI CHẠY CUỐI CÙNG. LUYỆN TẬP VỀ SO SÁNH**

**(2 tiết).**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

- Phát triển năng lực ngôn ngữ:

+ Đọc trôi chảy toàn bài. Phát âm đúng các từ ngữ có âm, vần, thanh mà HS dễ

viết sai: ma ra tông, diễn ra, nín thở, reo hò, ruy băng, động lực, ...

+ Ngắt nghỉ hơi đúng giữa các cụm từ, các câu. Đọc cáccâu khiến, câu cảm với giọng phù hợp.

+ Hiểu nghĩa các từ ngữ trong câu chuyện: ma ra tông, tăng tốc, chật vật, phấn khích.

+ Trả lời được các CH về nội dung câuchuyện.

+ Hiểu ý nghĩa của câu chuyện: Có ý chí, có quyết tâm thì sẽ thành công.

+ Nhận biết các câu khiến trong bài đọc.

+ Hiểu được các hình ảnh so sánh trong bài đọc.

-Phát triển năng lực văn học: Biết bày tỏ sự yêu thích, khâm phục sự nỗ lực của nhân vật.

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, đọc bài và trả lời các câu hỏi. Nêu được nội dung bài.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: tham gia đọc trong nhóm.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất yêu nước: Biết yêu thể thao.

- Phẩm chất nhân ái: Biết yêu quý bạn bè qua bài đọc.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ đọc bài, chăm luyện tập thể thao trả lời câu hỏi.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, học tập nghiêm túc.

*HSKT: Nói theo cô câu có hình ảnh so sánh*

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.**

**Dạy theo SGV trang 205 – 207**

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**

.....................................................................................................................................

.....................................................................................................................................

**Tiết 3: Toán 2**

**Bài 48: GÓC VUÔNG - GÓC KHÔNG VUÔNG (Tiết 2) – Trang 102**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

- Biết được cái ê ke và dùng ê ke để kiểm tra góc vuông.

- Bước đầu biết dùng ê e để vẽ được góc vuông ( vẽ trên giấy kẻ ô li hoặc vẽ trên giấy trắng).

- Phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động học tập, tìm hiểu nội dung bài học. Biết lắng nghe và trả lời nội dung trong bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia tích cực trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thực hiện tốt nhiệm vụ trong hoạt động nhóm.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

*HSKT: nhận biết góc*

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

**2. Học sinh**

- Thước kẻ, ê ke.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**Dạy theo SGV trang 127 – 128**

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**

.....................................................................................................................................

.....................................................................................................................................

**Tiết 3: Tiếng việt tăng**

**LUYỆN TẬP VỀ SO SÁNH**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù.**

- Phát triển năng lực ngôn ngữ:

+ Củng cố về các sự vật được so sánh, các hình ảnh so sánh, từ so sánh và kiểu so sánh.

- Phát triển năng lực văn học:

+ Cảm nhận được giá trị văn học của các hình ảnh so sánh.

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: tham gia hoạt động trong nhóm.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ học bài, trả lời câu hỏi.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, học tập nghiêm túc.

*HSKT: nói miệng – nhắc theo cô câu có hình ảnh so sánh*

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên:** Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

**2. Học sinh:** SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

**1.Khởi động:**

|  |  |
| --- | --- |
| - Em đã được học kiểu so sánh gì?  - Em hãy đặt một câu có hình ảnh so sánh sự vật với sự vật?  - Từ dùng để so sánh trong câu em vừa đặt là từ nào?  - GV nhận xét đánh giá. | - HS nêu: so sánh sự vật với sự vật  - HS nêu  - Lớp nhận xét  - HS nêu |
| \*GV chốt: *Khi nói hoặc viết câu có hình ảnh so sánh sẽ làm cho câu văn thêm gần gũi, sinh động, hấp dẫn hơn. Từ dùng để so sánh là từ như (là, như là, tựa như,…)* | - HS nghe và ghi nhớ |

**2. Luyện tập**

|  |  |
| --- | --- |
| **Bài 1:** Gạch chân dưới các sự vật được so sánh với nhau trong các câu văn sau: | |
| a. Gió lên vườn cải tốt tươi  Lá xanh như mảnh mây trời lao xao.  (Trần Đăng Khoa)  b. Ngôi nhà như chiếc lá  Phố dài như cành xanh.  (Nguyễn Hoa)  c.Ông trăng như cái mâm vàng  Mọc lên từ đáy đầm làng quê ta.  (Phạm Đông Hưng) | |
| - Yêu cầu HS đọc bài.  - Yêu cầu HS làm việc nhóm 4  - GV và HS chữa bài, chốt đáp án đúng. | - HS đọc, xác định yêu cầu của bài  - HS hoạt động nhóm  - Một số HS nêu đáp án trước lớp. |
| Đáp án:  a. Gió lên vườn cải tốt tươi  Lá xanh như mảnh mây trời lao xao.  (Trần Đăng Khoa) | b. Ngôi nhà như chiếc lá  Phố dài như cành xanh.  (Nguyễn Hoa) |
| c. Ông trăng như cái mâm vàng  Mọc lên từ đáy đầm làng quê ta.  (Phạm Đông Hưng) | |
| - Vì sao tác giải lại so sánh các sự vật đó với nhau? | - HS nêu |
| => Chốt: Hai sự vật được so sánh với nhau phải là hai sự vật có nét tương đối giống nhau, mục đích so sánh phải làm cho sự vật được đẹp thêm lên. | |

|  |  |
| --- | --- |
| Bài 2:Hãy so sánh mỗi sự vật sau với một sự vật khác để tăng vẻ đẹp.  a. Đôi mắt tròn như …  b. Mùa đông, trời là ……  c. Bốn chân của chú voi to như… | |
| - Yêu cầu HS đọc bài.  - Yêu cầu HS làm việc nhóm 2  - Từ dùng để so sánh trong những câu trên là từ nào?  - Ngoài ra người ta còn có thể sử dụng các từ so sánh nào khác? | - HS đọc yêu cầu bài.  - HS làm việc nhóm 2  - Một số HS lên bảng chữa bài  Đáp án:  a. Đôi mắt tròn như hạt nhãn.  b. Mùa đông, trời là cái tủ lạnh.  c. Bốn chân của chú voi to như cột đình.  - HS nêu: từ *như, là*  - HS nêu: tựa như, giống như,... |
| \*GV chốt: Các từ chỉ sự so sánh là: như, là, tựa như, giống như, … | - HS nghe và ghi nhớ |
| Bài 3: Dựa vào hình ảnh so sánh có ở mỗi câu, điền vào cột thích hợp:  a. Cầu Thê Húc màu son, cong cong như con tôm dẫn vào đền Ngọc Sơn.  b. Mắt hiền sáng tựa vì sao  Bác nhìn đến tận Cà Mau cuối trời.   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | Sự vật 1 | Đặc điểm giống nhau | Từ so sánh | Sự vật 2 | |  |  |  |  | |  |  |  |  | | |
| - Yêu cầu HS đọc bài.  - Yêu cầu HS làm việc nhóm 4 | - HS đọc yêu cầu bài.  - HS làm việc nhóm 4  - Một số HS lên bảng chữa bài |
| \*GV chốt đáp án:   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | Sự vật 1 | Đặc điểm giống nhau | Từ so sánh | Sự vật 2 | | Cầu Thê Húc | cong cong | như | con tôm | | Mắt hiền | sáng | tựa | vì sao | | |

**4.Vận dụng**

|  |  |
| --- | --- |
| Bài 4: Quan sát tranh, viết câu có hình ảnh so sánh. | |
| - Yêu cầu HS đọc bài.  - Yêu cầu HS làm việc cá nhân đặt câu có hình ảnh so sánh.  - Khi đặt câu có hình ảnh so sánh đầu câu viết thế nào, cuối câu dùng dấu gì? | - HS đọc yêu cầu bài.  - HS làm việc cá nhân  - Một số HS lên bảng đặt câu  VD:  a. Những hạt sương sớm long lanh như những viên ngọc.  b. Vầng trăng đầu tháng tựa như lưỡi liềm.  - HS nêu  - KKHS đặt câu có hình ảnh so sánh trong cuộc sống. |
| \* GV chốt: *Khi đặt câu có hình ảnh so sánh đầu câu viết hoa, cuối câu dùng dấu chấm. Lưu ý lựa chọn sự vật có nét tương đồng để so sánh.* | - HS nghe và ghi nhớ |
| - Dặn học HS ôn lại bài  - Nhận xét tiết học, chuẩn bị bài sau. | - Lắng nghe, rút kinh nghiệm. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**

.....................................................................................................................................

.....................................................................................................................................

Thứ năm ngày 19 tháng 12 năm 2024

**Thứ sáu ngày 15 tháng 12 năm 2023**

**Tiết 1 : Tiếng việt 4**

**TRAO ĐỔI: EM ĐỌC SÁCH BÁO**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

- Phát triển năng lực ngôn ngữ

+ Nhớ nội dung, kể hoặc đọc lại được câu chuyện (bài thơ, bài văn) đã đọc ở nhàvề một vận động viên (hoặc một người yêu thể thao).

+ Lắng nghe bạn kể (đọc), biết nhận xét, đánh giá lời kể (giọng đọc) của bạn.

+ Biết trao đổi cùng các bạn về câu chuyện (bài thơ, bài văn).

-Phát triển năng lực văn học:

+ Biết bày tỏ sự yêu thích các chi tiết thú vị trong câu chuyện.

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: Biết kể chuyện (đọc bài thơ, bài văn),lắng nghe, kể được câu chuyện theo yêu cầu.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Kể chuyện biết kết hợp cử chỉ hành động, diễn cảm,...

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: biết trao đổi cùng các bạn một cách chủ động, tự nhiên, tự tin; nhìn vào mắt người cùng trò chuyện**.**

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: Biết yêu thể thao.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ lắng nghe, kể chuyện theo yêu cầu. Có thói quen tự đọc sách.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, học tập nghiêm túc.

*HSKT: Nêu được tên môn thể thao*

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**Dạy theo SGV trang 204 – 205**

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**

.....................................................................................................................................

.....................................................................................................................................

**Tiết2 : Toán 3**

**Bài 49: HÌNH TAM GIÁC – HÌNH TỨ GIÁC– Trang 103-104**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

- Có được biểu tượng về hình dạng, đặc điểm, tên gọi của hình tam giác, hình tứ giác.

- Liên hệ với thực tiễn cuộc sống có liên quan đến hình dạng, đặc điểm, tên gọi của hình tam giác, hình tứ giác.

- Phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học.

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động học tập, tìm hiểu nội dung bài học. Biết lắng nghe và trả lời nội dung trong bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia tích cực trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thực hiện tốt nhiệm vụ trong hoạt động nhóm.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

*HSKT: Nhận biết hình tam giác, tứ giác*

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

**2. Học sinh**

- Bộ đồ dùng học toán, phiếu học tập.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**Dạy theo SGV trang 129- 130**

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**

.....................................................................................................................................

**Tiết 3: Toán 4**

**Bài 50: CHU VI HÌNH TAM GIÁC – CHU VI HÌNH TỨ GIÁC (Tiết 1)**

**Trang 105-106**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

- Nhận biết chu vi hình tam giác, chu vi hình tứ giác.

- Thực hiện tính chu vi hình tam giác, chu vi hình tứ giác bằng cách tính tổng độ dài các cạnh.

- Vận dụng giải quyết các vấn đề thực tế trong cuộc sống.

- Phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học.

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động học tập, tìm hiểu nội dung bài học. Biết lắng nghe và trả lời nội dung trong bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia tích cực trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thực hiện tốt nhiệm vụ trong hoạt động nhóm.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

*HSKT: Nhận biết hình tam giác , tứ giác*

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

**2. Học sinh**

- Thước thẳng đo độ dài.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**Dạy theo SGV trang 131 – 132**

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**

.....................................................................................................................................

.....................................................................................................................................

**Tiết 3 : Toán tăng 2**

**LUYỆN TẬP: GÓC VUÔNG, GÓC KHÔNG VUÔNG**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Năng lực đặc thù**

- Củng cố cách nhận biết góc vuông, góc không vuông.

- Củng cố kĩ năng đọc tên góc vuông, góc không vuông theo đỉnh và cạnh.

**2. Năng lực chung**

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động học tập, tìm hiểu nội dung bài học. Biết lắng nghe và trả lời nội dung trong bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia tích cực vào hoạt động vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thực hiện tốt nhiệm vụ trong hoạt động nhóm.

**3. Phẩm chất**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

*HSKT: Nhận biết góc*

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: Phiếu HT

- HS: ê ke

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**1. Khởi động**

|  |  |
| --- | --- |
| - GV cho HS chơi trò chơi trò chơi “Truyền điện” để kể tên các đồ vật xung quanh mình có góc vuông, góc không vuông; cách xác định góc vuông, góc không vuông.  - Tổ chức nhận xét, tuyên dương.  - GV kết hợp giới thiệu bài  **2. Luyện tập**  *(GV phát phiếu HT)*  **Bài 1:** Những góc sau, góc nào là góc vuông, góc không vuông?  a  b  c  - Cho HS nêu yêu cầu bài  - Cho HS làm việc cá nhân vào PHT  - Tổ chức báo cáo.  *Chốt: Củng cố cách nhận biết góc vuông, góc không vuông bằng e ke.*  **Bài 2:** Đọc tên các góc vuông, góc không vuông sau:  P  N  E  C  M  D  A  B  O  - Cho HS nêu yêu cầu bài  - Cho HS làm việc cặp đôi vào PHT  - Tổ chức báo cáo.  *Chốt: Củng cố cách nhận biết và đọc tên góc vuông, góc không vuông bằng e ke.*  **Bài 3:** Đọc tên các góc vuông, góc không vuông trong hình sau:  M  N  Q  P  - Cho HS nêu yêu cầu bài  - Cho HS làm việc nhóm 4 vào PHT  - Tổ chức báo cáo.  *Chốt: Củng cố cách nhận biết và đọc tên góc vuông, góc không vuông bằng e ke.*  **3. Vận dụng**  **Bài 4:**  - Vẽ 2 góc vuông, 2 góc không vuông. Sau đó tự đặt tên và đọc tên từng góc đó.  - Cho HS nêu yêu cầu bài  - Cho HS làm việc cá nhân vào PHT  - Tổ chức đối chiếu, nhận xét  *Chốt: Củng cố cách vẽ và đọc tên góc vuông, góc không vuông bằng e ke.*  - Tiết học hôm nay củng cố cho em kiến thức gì?  - Nhận xét tiết học. Dặn HS về nhà tìm các vật có góc vuông, góc không vuông trong cuộc sống của em. | - HS hỏi đáp nhau trước lớp  - Lớp nhận xét  - HS nêu yc.  - HS làm việc cá nhân vào PHT  - HS liên tiếp báo cáo kết quả:  Góc a là góc vuông  Góc b, c là góc không vuông  - HS nêu yc.  - HS làm việc cặp vào PHT, sử dụng ê ke để kiểm tra góc vuông, góc không vuông.  - HS liên tiếp báo cáo kết quả, 3 HS lên bảng viết lại kết quả.  Góc không vuông đỉnh P, cạnh PM, PN  Góc không vuông đỉnh E, cạnh EC, ED  Góc vuông đỉnh O, cạnh OA, OB  - HS nêu yc.  - HS làm việc nhóm 4 vào PHT  - HS liên tiếp báo cáo kết quả, nhận xét  Góc vuông đỉnh M, cạnh MN, MQ  Góc vuông đỉnh Q, cạnh QM, QP  Góc không vuông đỉnh N, cạnh NM, NP  Góc không vuông đỉnh P, cạnh PN, PQ  - HS nêu yc.  - HS làm việc cá nhân vào PHT, 2 HS lên bảng.  - Lớp thảo luận, nhận xét  - HS nối tiếp nhau trả lời.  - HS theo dõi |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**

.....................................................................................................................................

.....................................................................................................................................

.....................................................................................................................................

Thứ sáu ngày 20 tháng 12 năm 2024

**Tiết 3: Toán 5**

**Bài 50: CHU VI HÌNH TAM GIÁC – CHU VI HÌNH TỨ GIÁC (Tiết 2)**

**Trang 105-106**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

- Thực hiện tính chu vi hình tam giác, chu vi hình tứ giác bằng cách tính tổng độ dài các cạnh.

- Vận dụng giải quyết các vấn đề thực tế trong cuộc sống.

- Phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học.

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động học tập, tìm hiểu nội dung bài học. Biết lắng nghe và trả lời nội dung trong bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia tích cực trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thực hiện tốt nhiệm vụ trong hoạt động nhóm.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

*HSKT: Nhận biết hình tam giác, tứ giác*

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

**2. Học sinh**

- Thước thẳng đo độ dài.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**Dạy theo SGV trang 132 – 133**

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**

.....................................................................................................................................

.....................................................................................................................................

**Tiết 4 : Toán tăng3**

**LUYỆN TẬP: HÌNH TAM GIÁC, HÌNH TỨ GIÁC**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Năng lực đặc thù**

- Ôn tập, củng cố nhận dạng đặc điểm của hình tam giác, hình tứ giác.

***-***  Nhận diện hình nhanh, đọc được tên hình, tên các cạnh, tên các đỉnh của hình tam giác, hình tứ giác. Vẽ được hình theo yêu cầu.

**2. Năng lực chung**

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động học tập, tìm hiểu nội dung bài học. Biết lắng nghe và trả lời nội dung trong bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia tích cực vào hoạt động vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thực hiện tốt nhiệm vụ trong hoạt động nhóm.

**3. Phẩm chất**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

*HSKT: Nhận biết hình tam giác, tứ giác*

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: Phiếu HT

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**1. Khởi động**

|  |  |
| --- | --- |
| - GV cho HS chơi trò chơi “Truyền điện”, hỏi đáp nhau để củng cố về dặc điểm của hình tam giác, hình tứ giác.  - Tổ chức nhận xét, tuyên dương.  - GV chốt đậc điểm của hình tam giác, hình tứ giác kết hợp giới thiệu bài.  2. Luyện tập  *(GV phát phiếu HT)*  Bài 1: Kẻ thêm để hình a, b thành tam giác, hình c thành tứ giác.  a  b  c  - Cho HS nêu yêu cầu bài  - Cho HS làm việc cá nhân vào PHT  - Tổ chức báo cáo.  *Chốt: Củng cố cách nhận biết và kẻ thêm đoạn thẳng để được hình tam giác, hình tứ giác.*  Bài 2: Đọc tên các hình tam giác, hình tứ giác sau. Mỗi hình gồm các đỉnh, cạnh nào?  P  N  E  C  M  D  K  A  B  O  - Cho HS nêu yêu cầu bài  - Cho HS làm việc cặp đôi vào PHT  - Tổ chức báo cáo.  *Chốt: Các đọc tên hình tam giác, hình tứ giác và các đỉnh, các góc của chúng.*  Bài 3: Kẻ thêm 1 đoạn thẳng vào hình sau để được 1 hình tam giác và 1 hình tứ giác. Sau đó đặt tên điểm, đọc tên mỗi hình và các đỉnh, cạnh của mỗi hình.  M  N  Q  P  - Cho HS nêu yêu cầu bài  - Cho HS làm việc nhóm 4 vào PHT  - Tổ chức chữa, nhận xét  *Chốt: Các đọc tên hình tam giác, hình tứ giác và các đỉnh, các góc của chúng.*  3. Vận dụng  Bài 4:  - Vẽ 1 hình tam giác, 1 hình tứ giác. Sau đó tự đặt tên và đọc tên từng hình.  - Cho HS nêu yêu cầu bài  - Cho HS làm việc cá nhân vào PHT  - Tổ chức đối chiếu, nhận xét  *Chốt: Củng cố cách vẽ và đọc tên hình tam giác, hình tứ giác.*  - Tiết học hôm nay củng cố cho em kiến thức gì?  - Nhận xét tiết học. Dặn HS về nhà tìm thêm các vật có dạng hình tam giác, hình tứ giác trong cuộc sống của em. | - HS hỏi đáp nhau trước lớp  - Lớp nhận xét  - HS nêu yc.  - HS làm việc cá nhân vào PHT  - HS liên tiếp báo cáo kết quả:  - HS nêu yc.  - HS làm việc cặp vào PHT  - HS liên tiếp báo cáo kết quả, 3 HS lên bảng viết lại kết quả.  *Hình tam giác MNP có 3 đỉnh M, N, P và 3 cạnh MN, NP, PM.*  *Hình tam giác CDE có 3 đỉnh C, D, E và 3 cạnh CD, DE, PM.*  *Hình tứ giác AKBO có 4 đỉnh A, K, B, O và 4 cạnh AK, KB, BO và OA.*  - HS nêu yc.  - HS làm việc nhóm 4 vào PHT  - 1 HS lên bảng chữa bài, lớp nhận xét  - HS nêu yc.  - HS làm việc cá nhân vào PHT, 2 HS lên bảng.  - Lớp thảo luận, nhận xét  - HS nối tiếp nhau trả lời.  - HS theo dõi |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**

.....................................................................................................................................

.....................................................................................................................................

.....................................................................................................................................

**Tiết 1: Tiếng việt7**

**GÓC SÁNG TẠO: BẢN TIN THỂ THAO**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

- Phát triển năng lực ngôn ngữ

+ HS biết viết một đoạn văn (7 – 8 câu) về một hoạt động thể thao ở trường hoặc một buổi thi đấu thể thao.

+ Chữ viết rõ ràng, mắc ít lỗi chính tả, ngữ pháp. Có thể trang trí bài viết: gắn kèm ảnh hoạt động thể thao hay buổi thi đấu thể thao (do HS sưu tầm) vào bài viết, vẽ, tô màu,...

-Phát triển năng lực văn học: Biết chọn một số thông tin nổi bật để viết; viết có cảm xúc.

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, luyện tập viết đúng, đẹp và hoàn thành.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết nhận xét, trao đổi về cách viết văn của bạn.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ luyện viết, rèn tính cẩn thận, óc thẩm mỹ khi viết chữ.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, học tập nghiêm túc.

*HSKT: Nêu được tên môn thể thao em thích*

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.**

**Dạy theo SGV trang 187– 188**

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**

.....................................................................................................................................

.....................................................................................................................................

**Tiết 2: Tiếng Việt tăng4**

**Luyện tập: Bản tin thể thao**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù.**

*1.1. Năng lực ngôn ngữ:*

+ HS biết viết một đoạn văn (7 – 8 câu) về một buổi thi đấu thể thao.

*1.2. Năng lực văn học:*

- Biết chọn một số thông tin nổi bật để viết; viết có cảm xúc.

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, luyện tập viết đúng, đẹp và hoàn thành.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết nhận xét, trao đổi về cách viết văn của bạn.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ luyện viết, rèn tính cẩn thận, óc thẩm mỹ khi viết chữ.

*HSKT: Nêu được tên môn thể thao em thích*

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên:** Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

**2. Học sinh:** SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

**1. Khởi động:**

|  |  |
| --- | --- |
| - Em hiểu thế nào là bản tin?  - Nên các bước viết bản tin thể thao? | - Bản tin là một bài văn hoặc đoạn văn ngắn nêu thông tin về một sự kiện trong đời sống hằng ngày.  - HS nêu |
| \* GV chốt: 5 bước viết bản tin: Viết về gì? tìm ý; sắp xếp ý; hoàn chỉnh; viết. | - HS nghe và ghi nhớ |

**2. Luyện tập**

**Đề bài: Viết một bản tin ngắn về một buổi thi đấu thể thao mà em được xem.**

|  |  |
| --- | --- |
| **2.1. Tìm hiểu đề**  - Gọi 1 – 2 HS đọc đề  - Nêu yêu cầu của đề?  - GV yêu cầu HS quan sát, đọc gợi ý và ghi nhớ các bước ( Gồm 5 bước) | - HS đọc đề, lớp đọc thầm  - Viết một bản tin ngắn về một buổi thi đấu thể thao  - HS quan sát, đọc gợi ý 5 hs đọc lần lượt 5 bước trong sơ đồ viết bản tin; cả lớp đọc thầm theo. |
| **2.2. Viết bản tin mà em chọn**  + Bước 1 (Viết về gì?)  - Em muốn viết về gì? | - HS lựa chọn nội dung chính của bản tin bằng cách trả lời  - Em muốn viết về Hội thi kéo co cấp trường. |
| + Bước 2: (Tìm ý)  - Hội thi kéo co diễn ra khi nào? Ở đâu?  - Có những ai tham gia? | - HS trả lời các CH gợi ý để xác định thông tin về thời gian, địa điểm, người tham gia, sự hưởng ứng của mọi người đối với hoạt động thể thao / buổi thi đấu.  - Hội thi kéo co diễn ra vào ngày 22 tháng 12, tại trường Tiểu học Thanh Quang.  - Các HS hào hứng tham gia thi đấu, còn các thầy cô nhiệt liệt cổ vũ. |
| + Bước 3 (Sắp xếp ý): HS xác định các ý chính: Tên hoạt động là gì? Hoạt động diễn biến như thế nào? Em hoặc những người tham gia có cảm xúc như thế nào? | - Tên hoạt động: Hội thi kéo co trường em.  - Diễn biến của hoạt động: Ngày 22 tháng 12, Trường Tiểu học Thanh Quang tổ chức hội thi kéo co. Người tham gia là học sinh toàn trường và các thầy cô giáo. Các học sinh đại diện cho mỗi khối lớp tranh tài, tranh sức để dành phần thắng.  - Cảm xúc của mọi người: HS rất hào hứng tham gia thi đấu, còn các thầy, cô và các bạn không thi đấu nhiệt liệt cổ vũ. |
| + Bước 4 (Viết): yêu cầu HS viết bản tin theo dàn ý đã lập. GV lưu ý HS viết câu đúng, giữa các câu có sự nối kết. | - HS viết bài vào vở ôli.  - một số HS đọc bài viết của mình trước lớp. |
| + Bước 5 (Hoàn chỉnh): yêu cầu HS đọc lại bản tin đã viết, chỉnh sửa các lỗi chính tả, lỗi diễn đạt, bổ sung thêm thông tin cần thiết hoặc bớt đi các thông tin thừa. |  |
| **2.3. Giới thiệu đoạn văn.**  - GV mời một số HS đọc kết quả bài làm của mình trước lớp.  - GV mời HS nhận xét  - GV nhận xét, tuyên dương.  - GV thu một số bài chấm và nhận xét cung cả lớp. | - HS đọc bài viết của mình trước lớp.  - Các HS khác nhận xét.  - HS nộp vở để GV chấm bài. |

**3. Vận dụng**

|  |  |
| --- | --- |
| - GV cùng HS trao đổi về tác dụng của trò chơi kéo co. | **-** HS nêu:Trò chơi là môn thể thao rèn luyện sức khỏe, sức bền và tinh thần đoàn kết của người chơi.  Đây còn là môn thể thao vui nhộn bởi tinh thần cổ vũ cho hai đội và những pha té ngã hài hước. |
| \* GV chốt: Rèn luyện thể dục thể thao giúp cơ thể khỏe mạnh. Chính vì vậy chúng ta cần chăm chỉ luyện tập thể dục thể thao. |  |
| - Nhận xét, tuyên dương.  - Nhận xét tiết học, dặt dò bài về nhà. | - HS lắng nghe và ghi nhớ. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**

.....................................................................................................................................

.....................................................................................................................................

**Tiết 3 : Sinh hoạt**

**Sinh hoạt cuối tuần: TRÒ CHƠI GIẢI Ô CHỮ**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

- Học sinh có thêm hiểu biết truyền thống tốt đẹp của quê hương, địa phương mình.

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: Biết có ý thức giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của quê hương bằng những hành động, việc làm cụ thể.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết phát huy truyền thống tốt đẹp của quê hương bằng việc làm thực tế.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết chia sẻ với bạn về hiểu biết của mình về những truyền thống tốt đẹp cảu dân tộc Việt Nam và của quê hương.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: tôn trọng bạn, biết lắng nghe những chia sẻ mà bạn đưa ra.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chịu khó tìm hiểu các truyền thống của dân tộc mình để giới thiệu với các bạn phù hợp, sáng tạo.

- Phẩm chất trách nhiệm: làm việc tập trung, nghiêm túc, có trách nhiệm trước tập thể lớp.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:**  - Mục tiêu:  + Tạo không khí vui vẻ, khấn khởi trước giờ học.  - Cách tiến hành: | |
| - GV mở bài hát “Việt Nam quê hương tôi” để khởi động bài học.  + GV cùng trao đổi với HS về nội dung bài hát.  - GV Nhận xét, tuyên dương.  - GV dẫn dắt vào bài mới. | - HS lắng nghe.  - HS trả lời về nội dung bài hát.  - HS lắng nghe. |
| **2. Sinh hoạt cuối tuần***:*  **-** Mục tiêu: Đánh giá kết quả hoạt động trong tuần, đề ra kế hoạch hoạt động tuần tới..  **-** Cách tiến hành: | |
| **\* Hoạt động 1: Đánh giá kết quả cuối tuần. (Làm việc nhóm 2)**  **-** GV yêu cầu lớp Trưởng (hoặc lớp phó học tập) đánh giá kết quả hoạt động cuối tuần. Yêu cầu các nhóm thảo luận, nhận xét, bổ sung các nội dung trong tuần.  + Kết quả sinh hoạt nền nếp.  + Kết quả học tập.  + Kết quả hoạt động các phong trào.  - GV mời các nhóm nhận xét, bổ sung.  - GV nhận xét chung, tuyên dương. (Có thể khen, thưởng,...tuỳ vào kết quả trong tuần)  **\* Hoạt động 2: Kế hoạch tuần tới. (Làm việc nhóm 4)**  **-** GV yêu cầu lớp Trưởng (hoặc lớp phó học tập) triển khai kế hoạch hoạt động tuần tới. Yêu cầu các nhóm thảo luận, nhận xét, bổ sung các nội dung trong kế hoạch.  + Thực hiện nền nếp trong tuần.  + Thi đua học tập tốt.  + Thực hiện các hoạt động các phong trào.  - GV mời các nhóm nhận xét, bổ sung.  - GV nhận xét chung, thống nhất, và biểu quyết hành động. | - Lớp Trưởng (hoặc lớp phó học tập) đánh giá kết quả hoạt động cuối tuần.  - HS thảo luận nhóm 2: nhận xét, bổ sung các nội dung trong tuần.  - Một số nhóm nhận xét, bổ sung.  - Lắng nghe rút kinh nghiệm.  - 1 HS nêu lại nội dung.  - Lớp Trưởng (hoặc lớp phó học tập) triển khai kế hoạt động tuần tới.  - HS thảo luận nhóm 4: Xem xét các nội dung trong tuần tới, bổ sung nếu cần.  - Một số nhóm nhận xét, bổ sung.  - Cả lớp biểu quyết hành động bằng giơ tay. |
| **3. Sinh hoạt chủ đề.**  **-** Mục tiêu: Học sinh có thêm hiểu biết truyền thống tốt đẹp của quê hương, địa phương mình.  **-** Cách tiến hành: | |
| **Hoạt động 3. Trò chơi giải o chữ. (Làm việc cả lớp)**  - GV nêu cách chơi: Các em quan sát cùng nhau giải ô chữ:  Trò chơi gồm 6 hàng ngang, mỗi hàng ngang trả lời 1 câu hỏi ứng với số ô chữ và câu hỏi:  Câu 1: Từ có 7 con chữ nói về phẩm chất của người Việt Nam bắt đầy bằng con chữ Y ( Yêu nước)  Câu 2: Khi đã có được truyền thống tốt đẹp của đất nước chúng ta cần phải làm gì, 1 từ có 6 chữ cái bắt đầu con chữ P? ( Phát huy)  Câu 3: Khi đất nước có quân ..... Dân tộc ta phải đứng lên bào vệ, từ đó là từ gì, từ đó gồm 7 chữ cái? ( xâm lược)  Câu 4: Khi dân tộc đã có truyền thống tốt đẹp chúng ta cần phải làm gì, từ đó gồm 6 chữ cái? ( giữ gìn)  Câu 5: Từ chỉ sự vật nói về trước đây mỗi địa phương trước sân của làng thường xây dựng cái gì, từ đó 7 chữ cái bắt đầu bằng chữ M? ( mái đình)  Câu 6: Một từ giúp cho người này hiểu được và cùng nhau thực hiện từ đó là từ gì gồm 6 chữ cái? ( chia sẻ)  Kết quả hàng dọc là 1 từ khoá: NHÂN ÁI  -Tiến hành chơi: HS nghe và giải đáp nhanh  - Chia sẻ những điều em khám phá qua trò chơi  - GV nhận xét chung, tuyên dương. | - Quan sát và nghe lệnh của trò chơi  - HS tham gia trò chơi  - 3 -4 HS chia sẻ  - Lắng nghe, rút kinh nghiệm. |
| **4. Vận dụng.**  - Mục tiêu:  + Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.  + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.  + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.  - Cách tiến hành: | |
| - Cho HS xem vi deo một số hình ảnh, địa danh thể hiện truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam. Nêu cảm nhận của mình.  - GV nêu yêu cầu và hướng dẫn học sinh về nhà tìm hiểu một só hoạt động nhân đạo, tình nguyện do nhà trường, địa phương em tổ chức.  - Nhận xét sau tiết dạy, dặn dò về nhà. | - Quan sát và nêu cảm nhận  - Học sinh tiếp nhận thông tin và yêu cầu để về nhà ứng dụng với các thành viên trong gia đình.  - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm |
| **IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**  .......................................................................................................................................  .......................................................................................................................................  ....................................................................................................................................... | |

*Bến Tắm*,*ngày13 tháng12 năm 2024*

*PHT*